

CÔNG TY BẢO HIỂM QBE VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



CÔNG TY BẢO HIỂM QBE VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DNPNT)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Mẫu số B 02 – DNPNT)	9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DNPNT)	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DNPNT)	12
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DNPNT)	13

CÔNG TY BẢO HIỂM QBE VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 51 GP/KDBH cấp ngày 10 tháng 3 năm 2008.

Giấy phép thành lập và hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày của Giấy phép đầu tiên này.

Hội đồng Thành viên

Ông Tay Siang Leng	Chủ tịch
Bà Arati Varma	Thành viên
Ông Trần Công Nhân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Công Nhân	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Trụ sở chính

Phòng 1302A, Lầu 13, Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY BẢO HIỂM QBE VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty Bảo hiểm QBE Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 57. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam.



Trần Công Nhân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY BẢO HIỂM QBE VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Bảo hiểm QBE Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Mai Trần Bảo Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4166-2022-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM15148
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.351.857.590.943	1.169.251.628.826
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	36.784.134.647	121.391.417.047
111	Tiền		36.784.134.647	26.407.417.047
112	Các khoản tương đương tiền		-	94.984.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		802.072.500.000	645.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	802.072.500.000	645.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		55.821.029.265	69.498.357.673
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		46.933.026.577	65.009.778.077
131.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	5	46.933.026.577	65.009.778.077
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	766.647.163	853.069.734
135	Phải thu ngắn hạn khác	7	18.188.947.936	12.278.765.613
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(10.067.592.411)	(8.643.255.751)
150	Tài sản ngắn hạn khác		20.468.659.469	31.457.699.527
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	19.255.544.168	30.737.620.682
151.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		19.224.492.818	30.737.620.682
151.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác		31.051.350	-
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(a)	1.213.115.301	720.078.845
190	Tài sản tái bảo hiểm		436.711.267.562	301.904.154.579
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	18(a)	38.299.458.156	55.268.392.114
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18(a)	398.411.809.406	246.635.762.465

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		16.947.287.391	14.493.107.917
210	Các khoản phải thu dài hạn		7.439.251.840	7.332.189.534
218	Phải thu dài hạn khác		7.439.251.840	7.332.189.534
218.1	<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	9	6.000.000.000	6.000.000.000
218.2	<i>Phải thu dài hạn khác</i>		1.439.251.840	1.332.189.534
220	Tài sản cố định		1.265.704.610	2.670.069.076
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	796.737.501	1.701.696.031
222	Nguyên giá		9.640.302.266	9.373.480.214
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.843.564.765)	(7.671.784.183)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	468.967.109	968.373.045
228	Nguyên giá		4.689.184.348	4.689.184.348
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.220.217.239)	(3.720.811.303)
260	Tài sản dài hạn khác		8.242.330.941	4.490.849.307
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11	8.242.330.941	4.490.849.307
270	TỔNG TÀI SẢN		1.368.804.878.334	1.183.744.736.743

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		752.947.811.909	657.840.899.887
310	Nợ ngắn hạn		748.376.012.459	654.346.256.567
312	Phải trả người bán		17.462.059.571	15.507.110.717
312.1	<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	12(a)	15.750.140.700	13.842.928.369
312.2	<i>Phải trả khác cho người bán</i>	12(b)	1.711.918.871	1.664.182.348
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(b)	9.286.843.700	7.063.456.831
315	Phải trả người lao động		121.332.439	222.751.212
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	30.923.329.814	25.151.431.855
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16(a)	301.369.533	2.796.785.019
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	20.021.687.600	22.740.822.844
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa thực hiện	17	1.570.662.800	1.085.563.366
329	Dự phòng nghiệp vụ		668.688.727.002	579.778.334.723
329.1	<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	18(a)	116.367.094.644	167.905.151.773
329.2	<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	18(a)	512.799.269.646	375.332.085.505
329.3	<i>Dự phòng dao động lớn</i>	18(b)	39.522.362.712	36.541.097.445
330	Nợ dài hạn		4.571.799.450	3.494.643.320
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.572.623.204	1.501.812.890
338	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16(b)	2.999.176.246	1.992.830.430

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		615.857.066.425	525.903.836.856
410	Vốn chủ sở hữu		615.857.066.425	525.903.836.856
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	300.322.309.000	300.322.309.000
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	20	30.032.230.900	27.482.709.620
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	285.502.526.525	198.098.818.236
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		162.698.818.236	115.624.744.460
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		122.803.708.289	82.474.073.776
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.368.804.878.334	1.183.744.736.743



Tô Thị Thơ
Người lập/
Kế toán trưởng



Trần Công Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	337.731.711.051	339.898.116.136
12	Doanh thu hoạt động tài chính	63.132.304.650	21.784.231.330
13	Thu nhập khác	-	33.636.364
20	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(169.228.295.689)	(187.586.293.781)
22	Chi phí hoạt động tài chính	(22.473.183.388)	(4.931.681.945)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(51.679.471.118)	(55.891.723.710)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	157.483.065.506	113.306.284.394
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(35.881.317.571)	(27.730.601.403)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	3.751.481.634	1.239.131.511
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	125.353.229.569	86.814.814.502



Tô Thị Thơ
 Người lập/
 Kế toán trưởng



Trần Công Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)
PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
01	Doanh thu phí bảo hiểm	461.996.393.561	472.435.742.570
01.1	Phí bảo hiểm gốc	215.213.223.403	214.478.561.731
01.2	Phí nhận tái bảo hiểm	195.245.113.029	214.982.551.508
01.3	Biến động dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	51.538.057.129	42.974.629.331
02	Phí nhượng tái bảo hiểm	(129.300.743.644)	(135.662.517.946)
02.1	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	(112.331.809.686)	(125.717.978.035)
02.2	Biến động trong dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(16.968.933.958)	(9.944.539.911)
03	Doanh thu phí bảo hiểm thuần	332.695.649.917	336.773.224.624
04	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	5.036.061.134	3.124.891.512
04.1	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	5.036.061.134	3.124.891.512
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	337.731.711.051	339.898.116.136
11	Chi bồi thường	(106.133.470.972)	(105.572.883.008)
11.1	Tổng chi bồi thường	(121.434.341.012)	(111.806.225.355)
11.2	Các khoản giảm trừ	15.300.870.040	6.233.342.347
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	39.586.478.165	37.631.975.036
13	Biến động dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(130.475.549.826)	40.975.915.142
14	Biến động dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	146.269.932.834	(38.888.456.080)
15	Tổng chi bồi thường bảo hiểm	(50.752.609.799)	(65.853.448.910)
16	Biến động dự phòng dao động lớn	(2.981.265.267)	(3.037.431.352)
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(115.494.420.623)	(118.695.413.519)
17.1	Chi hoa hồng bảo hiểm	(70.469.985.362)	(75.308.227.173)
17.2	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(45.024.435.261)	(43.387.186.346)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(169.228.295.689)	(187.586.293.781)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	168.503.415.362	152.311.822.355

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	63.132.304.650	21.784.231.330
24	Chi phí hoạt động tài chính	(22.473.183.388)	(4.931.681.945)
25	Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	40.659.121.262	16.852.549.385
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(51.679.471.118)	(55.891.723.710)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	157.483.065.506	113.272.648.030
31	Thu nhập khác	-	33.636.364
40	Lợi nhuận khác	-	33.636.364
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	157.483.065.506	113.306.284.394
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(35.881.317.571)	(27.730.601.403)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	3.751.481.634	1.239.131.511
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	125.353.229.569	86.814.814.502



Tô Thị Thơ
Người lập/
Kế toán trưởng



Trần Công Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	157.483.065.506	113.306.284.394
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	1.671.186.518	2.703.406.682
03	Trích lập các khoản dự phòng	1.495.146.974	1.648.254.068
	Biến động trong các khoản dự phòng bảo hiểm	(47.430.653.262)	(32.003.449.085)
	Biến động trong doanh thu chưa thực hiện và chi phí hoa hồng chưa phân bổ	13.004.573.114	28.379.396.160
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	18.700.158.074	1.233.644.319
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(41.067.735.223)	(18.271.054.476)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	103.855.741.701	96.996.482.062
09	Giảm các khoản phải thu	19.344.028.569	16.324.175.095
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	2.753.404.376	(77.027.098.581)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(31.051.350)	228.972.944
15	Thuế TNDN đã nộp	(34.135.441.900)	(23.663.712.568)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	91.786.681.396	12.858.818.952
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(266.822.052)	(4.258.946.699)
23	Tiền chi các khoản đầu tư ngắn hạn	(719.709.200.000)	(225.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	562.636.700.000	45.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi	34.573.474.530	12.430.528.260
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(122.765.847.522)	(171.828.418.439)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền lợi nhuận đã chia cho chủ sở hữu	(35.400.000.000)	(37.768.624.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(35.400.000.000)	(37.768.624.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(66.379.166.126)	(196.738.223.487)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	121.391.417.047	315.951.780.032
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(18.228.116.274)	2.177.860.502
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	36.784.134.647	121.391.417.047



Tô Thị Thơ
Người lập/
Kế toán trưởng



Trần Công Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 57 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.